

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG CẤP ĐỒ DÙNG KHÁCH SẠN VÀ VẬN HÀNH SPA
CAO CẤP MTH**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG CẤP ĐỒ DÙNG KHÁCH SẠN VÀ VẬN HÀNH SPA CAO CẤP MTH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MTH LUXURY SPA OPERATIONS AND PROVIDES HOTEL AMENITIES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110059077

3. Ngày thành lập: 12/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, Số 27, Ngõ 50 Đường Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936 289 011

Fax:

Email: ntnlike@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
2.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán thực phẩm chức năng	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ các loại Nhà nước cấm) Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Hoạt động tổ chức triển lãm, sự kiện, giới thiệu, hội nghị (trừ hợp báo)	8230

9.	Đào tạo sơ cấp	8531
10.	Đào tạo trung cấp	8532
11.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đào tạo về marketing; đào tạo kỹ năng chăm sóc khách hàng - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng.	8559
12.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
13.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: - Dịch vụ Thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (Phun, xăm, thêu trên da không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm; Phun, xăm, thêu trên da sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm; đánh mờ bụng, làm thon thả thân hình...) - Dịch vụ tắm hơi, massage; - Dịch vụ massage mặt.	9610
14.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
15.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
16.	Lập trình máy vi tính	6201
17.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
19.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
20.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí) Chi tiết: - Thiết lập mạng xã hội - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp - Dịch vụ thương mại điện tử	6312
21.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
22.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn và đại diện pháp lý; hoạt động vận động hành lang; hoạt động kế toán, kiểm toán)	7020(Chính)

23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp); - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; - Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước - Giám sát thi công xây dựng công trình - Khảo sát xây dựng ; - Kiểm định xây dựng ; - Quản lý dự án - Thiết kế quy hoạch xây dựng	7110
24.	Quảng cáo (Trừ các loại Nhà nước cấm)	7310
25.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra Nhà nước cấm)	7320
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Dịch vụ thiết kế đồ họa	7410
27.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
28.	Bán buôn tổng hợp Trừ các loại Nhà nước cấm	4690
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
33.	In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm và không bao gồm hoạt động xuất bản)	1811
34.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
35.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4781
36.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4789

37.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4791
38.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4799
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
40.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
41.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
42.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5629
43.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
44.	Xuất bản phần mềm (Trừ các loại Nhà nước cấm)	5820
45.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động sản xuất chương trình truyền hình)	5911
46.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông - Hoạt động của các điểm truy cập internet - Cung cấp dịch vụ viễn thông: dịch vụ viễn thông; dịch vụ viễn thông cố định; dịch vụ viễn thông di động	6190
47.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
48.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
49.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động trung tâm)	7810
50.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

51.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; - Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
52.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 6.390.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 639.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN NGUYỄN THUY AN	13B Lý Nam Đế, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	63.900	639.000.000	10,000	068191008619	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	63.900	639.000.000	10,000		

2	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Thôn Vĩnh Thượng, Xã Sơn Công, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	63.900	639.000.000	10,000	0011940170 57	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	63.900	639.000.000	10,000		
3	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	40 TT TC6 – BCA Ngõ 106 Hoàng Quốc Việt, tổ 18, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	511.200	5.112.000.000	80,000	0681860000 65	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	511.200	5.112.000.000	80,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 09/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 068186000065

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *40 TT TC6 – BCA Ngõ 106 Hoàng Quốc Việt, tổ 18, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *40 TT TC6 – BCA Ngõ 106 Hoàng Quốc Việt, tổ 18, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội